

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/KDTM-ST

Ngày 28 tháng 6 năm 2024

Tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn; Bà Lê Thị Thanh Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2024/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 325/2024/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Tòa nhà H, N, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T, chức vụ: TGD

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm B.

Ông Nguyễn Phúc H ủy quyền lại cho: Ông Trần Bình H1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số B, đường N, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH X.

Địa chỉ: Số A - 15 - A, đường P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện: Ông Nguyễn Thanh G, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh

năm 1974. Nơi cư trú: Số A, đường P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.
Vắng mặt

Ông Trương Hoàng T2, sinh năm 2003; Ông Phạm Duy T3, sinh năm 2003; Bà Lê Huỳnh Anh T4, sinh năm 2003; Ông Trịnh Khánh D, sinh năm 2003; Bà Nguyễn Hoàng Ngọc N, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Căn hộ chung cư S, khu C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2023 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, ông Trần Bình H1 trình bày: Ngày 14/11/2022, Công ty TNHH X (gọi tắt Công ty X) với Ngân hàng TMCP B (gọi tắt Ngân hàng B) có ký kết hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 0322200080900. Đến ngày 20/02/2023, hai bên có thỏa thuận sửa đổi, bổ sung ký kết hợp đồng số 0322200080901 với nội dung cấp hạn mức tín dụng là 2.700.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thi công xây dựng công trình, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng đến hết ngày 14/11/2023, lãi suất cho vay cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Ngân hàng B đã giải ngân khoản vay cho Công ty X với tổng số tiền là 2.700.000.000 đồng theo các giấy nhận nợ số 0322200080900001 ngày 30/12/2022, số tiền giải ngân là 643.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 30/12/2022 đến ngày 30/5/2023, lãi suất 11,7%/năm, giấy nhận nợ số 0322200080901002 ngày 20/02/2023, số tiền giải ngân là 2.057.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 20/02/2023 đến ngày 21/8/2023, lãi suất 13,4%/năm. Đồng thời, ngày 28/8/2020, Ngân hàng B và Công ty X đã ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp số hợp đồng 008.20.032/TTDDN, theo đó Ngân hàng B đã cấp hạn mức tín dụng cho Công ty X là 300.000.000 đồng. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay, thẻ tín dụng nêu trên, ông Nguyễn Thanh G, bà Nguyễn Thị Kim T1 đã ký với Ngân hàng B hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 0459/03217/01B.HĐTCQSĐĐ ngày 29/11/2017, số công chứng: 27833; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng số: 01/0459/03219/08.TTSĐBS ngày 19/6/2018, số công chứng: 14933 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng số: 02/0459/03219/08.TTSĐBS ngày 18/7/2019, số công chứng: 13380 do Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận. Tài sản thế chấp gồm: Căn hộ chung cư số 2.08, tên nhà chung cư: Khu C, phường B, quận B, diện tích sàn: 81,1 m², được xây dựng trên quyền sử dụng đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 90, địa chỉ: D đường Đ, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 173258, số vào sổ cấp giấy

chứng nhận CS12539/DA do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố H cấp ngày 22/8/2017. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/11/2017 theo quy định. Trong quá trình vay vốn, Công ty X đã thanh toán gốc, lãi theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung với tổng số tiền là 10.717.841 đồng, trong đó: nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 10.717.841 đồng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thanh toán nợ gốc là 233.461.075 đồng, lãi là 108.574.115 đồng thì ngưng, không tiếp tục trả vốn, lãi. Đến 11/3/2023, các khoản vay và thẻ tín dụng đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, vi phạm nghiêm trọng các nội dung thỏa thuận giữa các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty X phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn gốc, lãi tạm tính đến hết ngày 28/6/2024 là 3.647.121.992 đồng. Yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 28/6/2024 cho đến khi trả hết nợ. Yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ theo quy định pháp luật và phải chịu toàn bộ chi phí trong quá trình tố tụng.

Bị đơn Công ty X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh G, bà Nguyễn Thị Kim T1, ông Trương Hoàng T2, ông Phạm Duy T3, bà Lê Huỳnh Anh T4, ông Trịnh Khánh D, bà Nguyễn Hoàng Ngọc N vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Bình H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B số tiền vốn, lãi tính đến hết ngày 28/6/2024 là 3.647.121.992 đồng. Trong đó: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 0322200080900 ngày 14/11/2022 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 0322200080901 ngày 20/02/2023, nợ gốc là 2.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 157.846.534 đồng, nợ lãi quá hạn là 476.984.260 đồng, phạt chậm trả lãi 17.050.477 đồng; Hợp đồng thẻ số 008.20.032/TTDDN ngày 28/8/2020, nợ gốc là 198.970.725, nợ lãi trong hạn là 96.269.996 đồng. Yêu cầu Công ty X phải chịu toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2024 theo hợp đồng tín dụng dùng chung và hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp Công ty X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã ký kết theo Hợp đồng thế chấp số 0459/03217/01B.HĐTCQSĐĐ ngày 29/11/2017 để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ. Về chi phí tố tụng, Ngân hàng đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định

tại chỗ là 3.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

Bị đơn Công ty X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh G, bà Nguyễn Thị Kim T1, ông Trương Hoàng T2, ông Phạm Duy T3, bà Lê Huỳnh Anh T4, ông Trịnh Khánh D, bà Nguyễn Hoàng Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 299, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Ngân hàng B và Công ty X là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ủy quyền cho ông Trần Bình H1 là cán bộ Ngân hàng tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án. Văn bản ủy quyền phù hợp theo quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng được xem triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ, thể hiện: Ngày 14/11/2022, giữa Ngân hàng B và Công ty X có ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung ký kết hợp đồng 20/02/2023, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thi công xây dựng công trình, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng đến hết ngày 14/11/2023. Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng là 2.700.000.000 đồng, lãi suất cho vay cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Trên cơ sở hạn mức, Ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty X số tiền nêu trên. Ngoài ra, ngày 28/8/2020, Ngân hàng B và Công ty X đã ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp và Ngân hàng B đã cấp hạn mức tín dụng cho Công ty X là 300.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty X phải có nghĩa vụ thanh toán vốn, lãi tính đến hết ngày 28/6/2023 là 3.647.121.992 đồng, trong đó: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung, nợ gốc là 2.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 157.846.534 đồng, nợ lãi quá hạn là 476.984.260 đồng, phạt chậm trả lãi 17.050.477 đồng; Hợp đồng sử dụng tín dụng, nợ gốc là 198.970.725, nợ lãi trong hạn là 96.269.996 đồng. Yêu cầu Công ty X phải chịu toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi Công ty X trả hết nợ là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0459/03217/01B.HĐTCQSĐĐ ngày 29/11/2017; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng số: 01/0459/03219/08.TTSDBS ngày 19/6/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng số: 02/0459/03219/08.TTSDBS ngày 18/7/2019 được giao kết giữa ông Nguyễn Thanh G và bà Nguyễn Thị Kim T1 với Ngân hàng B để đảm bảo khoản vay của Công ty X. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản và các thỏa thuận được các bên ký kết có công chứng tại Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/09/2017 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Ngân hàng B yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng B tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nguyên đơn chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thường mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 86, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bản Việt

Buộc Công ty TNHH X phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP B vốn, lãi tính đến hết ngày 28/6/2024 là 3.647.121.992 đồng, trong đó nợ gốc là 2.898.970.725 đồng, nợ lãi là 748.151.267 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/6/2024, Công ty TNHH X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc, lãi chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 0322200080900 ngày 14/11/2022; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung ký kết hợp đồng số 0322200080901 ngày 20/02/2023; Hợp đồng cấp thẻ tín dụng tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp số hợp đồng 008.20.032/TTDDN và các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê biên, phát

mại tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 0459/03217/01B.HĐTCQSDĐ ngày 29/11/2017; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng số: 01/0459/03219/08.TTSĐBS ngày 19/6/2018 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng số: 02/0459/03219/08.TTSĐBS ngày 18/7/2019 giữa ông Nguyễn Thanh G, bà Nguyễn Thị Kim T1 và Ngân hàng TMCP B để bảo đảm cho việc thi hành án.

[3] Về án phí sơ thẩm

Bị đơn Công ty TNHH X phải nộp 104.942.440 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B 46.681.158 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002584 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[4] Về chi phí tố tụng:

Công ty TNHH X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam